

Bản án số: **79/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 15-9- 2025
V/v “TrBh chấp ly hôn”

**NHÂN DBH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN B - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoa**
Ông **Trần Luân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Công Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân B - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân B - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Mỹ Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân B - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 366/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2025 về việc “TrBh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Như B** - Sinh năm: 1993

Nơi cư trú: tổ dân phố 12, phường B, tỉnh Khánh B.

Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Trương Mạnh B** - Sinh năm: 1986, vắng mặt.

Nơi cư trú: tổ dân phố 12, phường B, tỉnh Khánh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Như B trình bày:* Bà và ông Trương Mạnh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Xuân (nay là xã Tân Định) vào năm 2011. Trong thời gian chung sống với nhau giữa bà và ông B xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi nhau nhiều lần, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không quB tâm đến nhau và đã không sống chung với nhau, bà không còn tình cảm với ông B. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung là Trương Trần Khánh B, sinh ngày 30/10/2012 và Trương Trần Khánh B, sinh ngày 21/5/2019. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.*

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quB hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Như B được ly hôn với ông Trương Mạnh B. Về con chung giao con chung Trương Trần Khánh B, sinh ngày 30/10/2012 và Trương Trần Khánh B, sinh ngày 21/5/2019 cho bà B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà B không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Ông B được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung bà B không yêu cầu giải quyết. Về án phí bà B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trBh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về quB hệ trBh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn địa chỉ tổ dân phố 12, phường B, tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng xét xử xác định đây là quB hệ pháp luật “TrBh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân B - Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Như B yêu cầu ly hôn ông Trương Mạnh B, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Trần Khánh B, sinh ngày 30/10/2012 và Trương Trần Khánh B, sinh ngày 21/5/2019, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con, tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quB hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Như B và ông Trương Mạnh B tự nguyện kết hôn vào ngày 13/6/2011 tại Ủy bB nhân dân xã Tân Định và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45, Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà B trình bày quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi nhau nhiều lần, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, bà không còn tình cảm với ông B. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B. Căn cứ biên bản xác minh ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân B-Khánh B xác minh tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tại Ủy bB nhân dân phường B thể hiện mâu thuẫn hôn nhân địa phương không rõ do đương sự không thông báo. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao xác định hôn nhân giữa bà B và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3.2] Về con chung: Bà B và ông B có 02 con chung theo giấy khai sinh là Trương Trần Khánh B, sinh ngày 30/10/2012 và Trương Trần Khánh B, sinh ngày 21/5/2019. Hiện nay 02 con chung đBg sống cùng bà B, con chung có nguyện vọng được ở với mẹ là phù hợp với yêu cầu của bà B, ông B không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B giao 02 con chung cho bà B trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà B không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không xem xét.

Ông Trương Mạnh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân B - Khánh Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Như B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Như B được ly hôn với ông Trương Mạnh B.

- Về con chung: Giao con chung Trương Trần Khánh B, sinh ngày 30/10/2012 và Trương Trần Khánh B, sinh ngày 21/5/2019 cho bà Trần Thị Như B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà B không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Ông Trương Mạnh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Như B phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002768 ngày 27/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa (nay là Phòng thi hành án dân sự B-Khánh B). Bà B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TBD tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND B - Khánh Hòa;
- UBND xã Tân Định
(GCNKH số 45/2011);
- THADS tỉnh Khánh B;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích